

Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới

Nguyễn Tiến Dũng, Trần Thị Kim Đào *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Nền kinh tế độc lập, tự chủ là một yếu tố cốt lõi đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định của mỗi quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, do vậy cần có những tiếp cận mới, trong đó một yếu tố quan trọng là đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với bối cảnh mới hiện nay. Nghiên cứu phân tích sự chuyển đổi mô hình tăng trưởng của Việt Nam góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng công nghiệp 4.0 và biến đổi khí hậu. Bài viết nhấn mạnh việc chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào đầu vào truyền thống sang mô hình đổi mới sáng tạo, trong đó R&D, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy năng suất và phát triển bền vững. Ngoài ra, bài viết làm rõ mối quan hệ giữa tính tự chủ kinh tế và hội nhập quốc tế, khẳng định rằng nền kinh tế độc lập không có nghĩa là tách biệt, mà cần tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs) để mở rộng chuỗi giá trị toàn cầu. Đặc biệt, nghiên cứu đề xuất cải cách thể chế nhằm nâng cao tính minh bạch, quản trị hiệu quả, đồng thời phát triển doanh nghiệp nội địa để giảm phụ thuộc vào FDI. Cuối cùng, bài viết nhấn mạnh tăng trưởng xanh và kinh tế tuần hoàn, kinh tế số là xu hướng tất yếu để đảm bảo sự phát triển dài hạn của Việt Nam.

Từ khóa: Mô hình tăng trưởng, đổi mới, nền kinh tế độc lập, tự chủ, tăng trưởng xanh và bền vững, bối cảnh mới

GIỚI THIỆU VỀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ

Nền kinh tế độc lập, tự chủ đóng vai trò quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế vì đó là nền tảng để đảm bảo sự phát triển bền vững, ổn định và chủ động ứng phó với những thách thức từ bên ngoài. Nền kinh tế độc lập, tự chủ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững và ổn định của một quốc gia, đồng thời bảo vệ chủ quyền quốc gia và tăng cường khả năng chống chịu trước những biến động kinh tế toàn cầu.

Thứ nhất, đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội và chủ quyền quốc gia. Độc lập về kinh tế giúp nền kinh tế phát triển không phụ thuộc vào bên ngoài, dựa trên nguồn lực và công nghệ trong nước. Điều này đảm bảo sự ổn định kinh tế - xã hội và giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia¹. Không những thế, nền kinh tế độc lập, tự chủ có khả năng thích ứng cao với những biến động của khu vực và quốc tế, duy trì các hoạt động bình thường của đất nước và phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ quốc phòng, an ninh².

Thứ hai, tăng cường khả năng chống chịu và phát triển bền vững: Việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ giúp tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế

trước những biến động kinh tế toàn cầu, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững³. Ngoài ra, nền kinh tế độc lập, tự chủ cho phép phát triển bền vững dựa trên nguồn lực nội tại, giảm thiểu sự phụ thuộc vào bên ngoài và tăng cường năng lực cạnh tranh⁴.

Thứ ba, vai trò của khu vực kinh tế nhà nước: Khu vực kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, giúp gắn kết và phát huy sức mạnh nội lực kết hợp với ngoại lực, phù hợp với từng giai đoạn lịch sử cụ thể¹. Không những thế, kinh tế nhà nước giúp đảm bảo an ninh quốc gia bằng cách kiểm soát các ngành, lĩnh vực then chốt và duy trì sự ổn định vĩ mô².

Thứ tư, hội nhập quốc tế chủ động: Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn liền với chủ động hội nhập quốc tế. Điều này cho phép tận dụng các cơ hội từ thị trường quốc tế trong khi vẫn duy trì sự độc lập về đường lối phát triển³. Hội nhập quốc tế cũng giúp tận dụng nguồn lực quốc tế để tăng cường năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của nền kinh tế⁴. Như vậy, trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ không có nghĩa là tách biệt hay khép kín mà là sự kết hợp linh hoạt giữa tự lực, tự cường với tận dụng hiệu quả

Trường Đại học Kinh tế- Luật,
ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Trần Thị Kim Đào, Trường Đại học Kinh tế-
Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam
Email: daottk@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 05-02-2025
- Ngày sửa đổi: 02-6-2025
- Ngày chấp nhận: 10-10-2025
- Ngày đăng: xx-xx-2026

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Tiến Dũng N, Kim Đào T T. **Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới**. Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag. 2026; 10(x):xxxx-xxxx.

các cơ hội hợp tác quốc tế. Đây là chìa khóa để phát triển bền vững và bảo vệ lợi ích quốc gia trong môi trường toàn cầu hóa đầy cạnh tranh.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ TỔNG QUAN MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ MỚI TRÊN THẾ GIỚI

Phương pháp nghiên cứu

Trong phạm vi của bài báo, để có thể tổng quan những vấn đề nghiên cứu liên quan các tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp định tính. Đó là những lý thuyết và mô hình có tính nền tảng và truyền thống đã được sử dụng cũng như cập nhật những lý thuyết mới, trong đó có những công trình đã được tặng giải thưởng Nobel.

Thông qua những nghiên cứu có tính khái quát cao nhưng đã cố gắng để phân tích về bản chất và động lực của đổi mới mô hình tăng trưởng, kinh tế, khám phá các yếu tố phi lượng hóa như thể chế, đổi mới sáng tạo, chất lượng nguồn nhân lực, môi trường chính sách, hành vi doanh nghiệp, và quản trị nhà nước, thông qua đó có thể hiểu sâu hơn quan điểm của chuyên gia, nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp, và người dân về những hạn chế và cơ hội đổi mới mô hình tăng trưởng.

Thông qua nghiên cứu văn kiện Đảng, chiến lược phát triển... để rút ra định hướng cải cách mô hình tăng trưởng, để xuất giải pháp chính sách phù hợp với thực tiễn và hỗ trợ định hình các mô hình lý thuyết mới trong điều kiện Việt Nam.

Tổng quan mô hình tăng trưởng kinh tế mới trên thế giới

Mô hình tăng trưởng truyền thống tập trung vào các yếu tố đầu vào sản xuất như vốn, lao động và tài nguyên thiên nhiên để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Theo Solow mô hình tăng trưởng tân cổ điển nhấn mạnh vai trò của tích lũy vốn, tăng trưởng dân số và tiến bộ công nghệ trong việc mở rộng sản lượng quốc gia⁵. Trong mô hình này, khi vốn và lao động tăng lên, nền kinh tế sẽ tăng trưởng, nhưng do quy luật lợi suất giảm dần, tác động của các yếu tố này sẽ suy giảm theo thời gian, trừ khi có sự đổi mới công nghệ⁶. Bổ sung cho cách tiếp cận này, Lucas nhấn mạnh tầm quan trọng của vốn con người trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững⁷. Tuy nhiên, mô hình truyền thống bị chỉ trích vì giả định thị trường cạnh tranh hoàn hảo và bỏ qua các yếu tố như thể chế, chính sách kinh tế và tác động của bất bình đẳng xã hội⁸. Trong bối cảnh hiện đại, nhiều nhà kinh tế đề xuất các mô hình tăng

trưởng nội sinh nhằm khắc phục những hạn chế của mô hình truyền thống và nhấn mạnh vai trò của đổi mới và tri thức trong tăng trưởng dài hạn⁹.

Trong bối cảnh kinh tế hiện đại, các mô hình tăng trưởng truyền thống ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế, dẫn đến sự phát triển của các mô hình tăng trưởng kinh tế mới. Một trong những hướng tiếp cận quan trọng là mô hình tăng trưởng nội sinh, nhấn mạnh vai trò của đổi mới, tri thức và thể chế trong việc thúc đẩy tăng trưởng dài hạn¹⁰. Các nghiên cứu gần đây tập trung vào mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo [9], trong đó tiến bộ công nghệ không phải là yếu tố ngoại sinh mà được tạo ra từ quá trình nghiên cứu và phát triển (R&D). Bên cạnh đó, mô hình tăng trưởng xanh đang ngày càng nhận được sự quan tâm khi nền kinh tế toàn cầu đối mặt với những thách thức về môi trường. Mô hình này đề xuất chiến lược tăng trưởng bền vững bằng cách giảm phát thải carbon, tối ưu hóa nguồn lực và thúc đẩy năng lượng tái tạo¹¹. Ngoài ra, mô hình tăng trưởng bao trùm cũng được nhấn mạnh, tập trung vào giảm bất bình đẳng và đảm bảo mọi tầng lớp dân cư đều hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế¹². Những xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển từ các mô hình truyền thống sang các tiếp cận đa chiều, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và các thách thức hiện đại.

Theo đó, các mô hình tăng trưởng kinh tế mới đã nổi lên nhằm giải quyết những hạn chế của các mô hình truyền thống, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, biến đổi khí hậu và sự phát triển của công nghệ số. Những mô hình này không chỉ tập trung vào gia tăng sản lượng mà còn nhấn mạnh đến tính bền vững, công bằng và đổi mới sáng tạo¹³. Trong đó, các mô hình tăng trưởng nội sinh, tăng trưởng xanh và tăng trưởng bao trùm đóng vai trò quan trọng trong việc định hình chính sách kinh tế hiện đại.

Mô hình tăng trưởng nội sinh và vai trò của đổi mới sáng tạo

Mô hình tăng trưởng nội sinh do Romer và Aghion & Howitt đề xuất đã thay đổi cách nhìn nhận về động lực tăng trưởng dài hạn^{9,10}. Thay vì coi tiến bộ công nghệ là yếu tố ngoại sinh như trong mô hình Solow, mô hình nội sinh nhấn mạnh rằng tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào quá trình đổi mới và đầu tư vào nghiên cứu & phát triển (R&D)⁵. Cách tiếp cận này yêu cầu chính phủ và khu vực tư nhân phải đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục, đào tạo lao động có kỹ năng cao, và xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy sáng tạo⁷. Ngoài ra, thể chế kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra động lực cho đổi mới bằng cách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và khuyến khích cạnh tranh⁸.

Mô hình tăng trưởng xanh và yêu cầu về tính bền vững

Biến đổi khí hậu và sự suy thoái tài nguyên thiên nhiên đã thúc đẩy sự phát triển của mô hình tăng trưởng xanh, trong đó nhấn mạnh đến việc duy trì tăng trưởng kinh tế mà không gây tổn hại đến môi trường¹². Mô hình này yêu cầu các quốc gia phải có chiến lược dài hạn trong việc giảm phát thải carbon, sử dụng năng lượng tái tạo và cải thiện hiệu suất sử dụng tài nguyên¹⁴. Chính sách thuế carbon, trợ cấp cho năng lượng sạch và các quy định chặt chẽ về môi trường là những công cụ quan trọng để hiện thực hóa mô hình này¹⁵. Ngoài ra, tăng trưởng xanh cũng đòi hỏi sự đổi mới trong công nghệ sạch, đồng thời khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào các mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm tái sử dụng tài nguyên và giảm thiểu rác thải công nghiệp¹⁶.

Mô hình tăng trưởng bao trùm và yêu cầu về công bằng xã hội

Một trong những hạn chế lớn của các mô hình tăng trưởng truyền thống là sự gia tăng bất bình đẳng thu nhập, khiến tăng trưởng không thể duy trì bền vững¹⁷. Do đó, mô hình tăng trưởng bao trùm tập trung vào việc phân phối lợi ích kinh tế một cách công bằng hơn giữa các nhóm dân cư, đảm bảo mọi người đều có cơ hội tiếp cận giáo dục, y tế và việc làm chất lượng cao¹⁸. Để thực hiện mô hình này, các chính phủ cần có các chính sách hỗ trợ nhóm yếu thế, giảm khoảng cách thu nhập thông qua cải cách thuế và bảo đảm một hệ thống an sinh xã hội vững chắc¹⁹. Ngoài ra, việc tạo ra cơ hội việc làm cho phụ nữ và các nhóm thiểu số cũng là một trong những yếu tố then chốt để tăng trưởng bao trùm có thể thành công²⁰.

Theo đó, các mô hình tăng trưởng kinh tế mới đòi hỏi một cách tiếp cận đa chiều, trong đó bao gồm: (1) chính phủ và doanh nghiệp cần tăng cường chi tiêu cho R&D để thúc đẩy năng suất và sáng tạo công nghệ²¹, (2) quyền sở hữu trí tuệ, khuyến khích cạnh tranh, và ổn định chính trị là những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tăng trưởng bền vững¹³, (3) chính sách kinh tế cần tích hợp yếu tố môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên và đầu tư vào năng lượng tái tạo¹², (4) chính sách thuế, trợ cấp xã hội và cải cách giáo dục cần được thực hiện để đảm bảo sự tham gia của tất cả các tầng lớp dân cư vào quá trình tăng trưởng¹⁸.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ THỰC TRẠNG MÔ HÌNH KINH TẾ GÓP PHẦN XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong quá trình xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế. Các chỉ số kinh tế quan trọng như tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và sự tham gia tích cực vào các hiệp định thương mại tự do (FTAs) đã cho thấy những chuyển biến tích cực của nền kinh tế Việt Nam⁴. Tuy nhiên, để đảm bảo tính bền vững và chủ động trong bối cảnh toàn cầu hóa, Việt Nam cần tiếp tục cải cách và điều chỉnh mô hình kinh tế hiện tại.

Tăng trưởng GDP và cơ cấu kinh tế

Việt Nam đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa kể từ năm 1986. Trong giai đoạn 1996-2000, tốc độ tăng trưởng GDP đạt trung bình 7%/năm, và từ năm 2016 đến 2019, con số này duy trì ở mức 6,8%¹. Năm 2024, GDP của Việt Nam tăng trưởng 7,09%, đạt 476,3 tỷ USD, nhờ vào sự gia tăng kim ngạch xuất khẩu và dòng vốn đầu tư nước ngoài ổn định²².

Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại

Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn trên thế giới. Kể từ năm 2016, cán cân thương mại của Việt Nam luôn ở mức thặng dư, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế²³. Năm 2024, kim ngạch xuất khẩu tăng 14,3% so với năm trước, đạt 405,53 tỷ USD, trong khi nhập khẩu tăng 16,7%, đạt 380,76 tỷ USD, dẫn đến mức thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD²². Tỷ lệ tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GDP của Việt Nam đạt khoảng 158% vào năm 2023, thể hiện mức độ mở cửa cao của nền kinh tế³.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Vốn đầu tư nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế Việt Nam. Các doanh nghiệp FDI đóng góp khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu, cho thấy vai trò quan trọng nhưng cũng đặt ra nguy cơ phụ thuộc vào vốn nước ngoài²⁴. Năm 2024, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng 9,4%, đạt 25,35 tỷ USD, với trọng tâm là các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghệ cao²². Tuy nhiên, để nâng cao tính tự chủ, Việt Nam cần có chiến lược khuyến khích doanh

ng nghiệp trong nước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu²⁵.

Hội nhập kinh tế quốc tế

Việt Nam đã tham gia tích cực vào quá trình hội nhập thông qua việc ký kết và thực thi nhiều FTAs quan trọng như CPTPP, EVFTA và RCEP. Những hiệp định này giúp mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư, nhưng cũng đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn cao về xuất xứ hàng hóa, lao động và môi trường²⁶.

Dù đạt được nhiều thành tựu, Việt Nam vẫn đối mặt với một số thách thức. Theo đó, các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu, hạn chế sự phát triển của doanh nghiệp nội địa²⁴. Phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có quy mô nhỏ, hạn chế khả năng cạnh tranh²³. Sự thiếu hụt ngành công nghiệp hỗ trợ làm giảm tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng trong chuỗi cung ứng toàn cầu³.

Để khắc phục những hạn chế và tăng cường tính độc lập, tự chủ trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam cần tập trung vào các giải pháp như hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu²⁶, khuyến khích đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ để tăng tỷ lệ nội địa hóa và giá trị gia tăng, đẩy mạnh đào tạo nghề, nâng cao trình độ lao động để đáp ứng yêu cầu của các ngành công nghiệp hiện đại²⁷, giảm phụ thuộc vào một số thị trường và sản phẩm chủ lực bằng cách mở rộng thị trường mới²⁸.

THẢO LUẬN MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI NỀN KINH TẾ ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH MỚI

Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế nhằm đáp ứng các yêu cầu của bối cảnh toàn cầu mới, bao gồm tác động của cách mạng công nghiệp 4.0, biến đổi khí hậu, và hội nhập kinh tế sâu rộng thông qua các hiệp định thương mại tự do (FTAs). Mô hình tăng trưởng truyền thống của Việt Nam, dựa trên đầu tư vốn, xuất khẩu và lao động giá rẻ, đã bộc lộ nhiều hạn chế, đòi hỏi một chiến lược phát triển mới tập trung vào đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng thể chế kinh tế⁴.

Để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ trong bối cảnh mới, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các chính sách nhằm nâng cao nội lực kinh tế và giảm phụ thuộc vào các thị trường bên ngoài, cụ thể:

Phát triển ngành công nghiệp và công nghệ nội địa

Việt Nam cần chuyển từ mô hình dựa vào lắp ráp, gia công sang sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng cao, tập trung vào các ngành chiến lược như công nghiệp bán dẫn, sản xuất linh kiện điện tử, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI)¹⁴. Đồng thời, chính phủ cần hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu thông qua các chính sách khuyến khích nghiên cứu & phát triển (R&D) và đổi mới sáng tạo¹⁰.

Chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo

Việt Nam đang chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào yếu tố đầu vào (input-driven) sang mô hình tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo (innovation-driven). Theo Romer, tăng trưởng nội sinh nhấn mạnh vai trò của tri thức và công nghệ trong việc nâng cao năng suất lao động¹⁰. Để thực hiện mô hình này, Việt Nam cần đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu & phát triển (R&D), cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo nghề để nâng cao kỹ năng lao động¹. Chính phủ cũng cần xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới và tăng cường liên kết giữa các viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp²⁹.

Phát triển mô hình tăng trưởng xanh và bền vững

Biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên thiên nhiên đặt ra yêu cầu cấp thiết cho Việt Nam trong việc áp dụng mô hình tăng trưởng xanh. Theo OECD mô hình này nhấn mạnh việc tăng trưởng kinh tế đồng thời với bảo vệ môi trường và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên¹². Việt Nam đã cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26, điều này đòi hỏi các chính sách kinh tế phải hướng đến phát triển năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính và chuyển đổi sang nền kinh tế tuần hoàn². Các chính sách quan trọng bao gồm thuế carbon, ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng công nghệ xanh, và thúc đẩy đầu tư vào lĩnh vực năng lượng sạch như điện mặt trời, điện gió³.

Cải cách thể chế kinh tế và nâng cao chất lượng quản trị

Việt Nam cần tiếp tục cải cách thể chế kinh tế để nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và cạnh tranh. Acemoglu & Robinson chỉ ra rằng các thể chế kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng bền vững¹³. Một nền kinh tế với thể chế vững

mạnh sẽ giúp tăng cường lòng tin của nhà đầu tư, giảm tham nhũng và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục kinh doanh và tăng cường quyền sở hữu trí tuệ để thu hút đầu tư chất lượng cao³⁰. Ngoài ra, cần có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) để tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng và khuyến khích cạnh tranh lành mạnh³.

Hội nhập kinh tế và phát triển chuỗi giá trị

Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP, điều này mở ra cơ hội lớn nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn sản xuất. Để tận dụng cơ hội này, Việt Nam cần nâng cấp chuỗi giá trị sản xuất, giảm phụ thuộc vào gia công lắp ráp và chuyển sang các ngành có giá trị gia tăng cao hơn như công nghệ thông tin, sản xuất chất bán dẫn và dịch vụ tài chính³¹. Việc thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) cần được định hướng vào các ngành công nghiệp công nghệ cao, đồng thời khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI để nâng cao năng lực cạnh tranh³.

Thúc đẩy tăng trưởng bao trùm và phát triển nguồn nhân lực

Tăng trưởng bao trùm là một yêu cầu quan trọng để đảm bảo sự phát triển bền vững của Việt Nam. Theo UNDP mô hình này nhấn mạnh đến việc phân phối lợi ích kinh tế công bằng, giảm bất bình đẳng xã hội và tạo cơ hội việc làm chất lượng cao¹⁸. Việt Nam cần tiếp tục đầu tư vào giáo dục, y tế và an sinh xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi³. Các chính sách về tiền lương tối thiểu, bảo hiểm xã hội và đào tạo nghề cũng cần được cải thiện để đảm bảo lực lượng lao động đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế số²⁹. Để thực hiện thành công mô hình tăng trưởng kinh tế mới, Việt Nam cần đảm bảo các điều kiện như (1) đầu tư mạnh mẽ vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo¹, (2) chính sách kinh tế vĩ mô ổn định, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi³⁰, (3) tích hợp yếu tố môi trường vào chính sách phát triển kinh tế¹², (4) thực hiện cải cách thể chế, nâng cao hiệu quả quản trị nhà nước¹³, (5) phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số³¹. Mô hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong bối cảnh mới đòi hỏi một cách tiếp cận toàn diện, kết hợp giữa đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, cải cách thể chế và hội nhập kinh tế. Chỉ khi thực hiện đồng bộ các giải

pháp này, Việt Nam mới có thể duy trì tốc độ tăng trưởng cao, nâng cao chất lượng sống cho người dân và nâng tầm vị thế trong chuỗi giá trị toàn cầu.

KẾT LUẬN

Việt Nam đang từng bước xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ thông qua việc phát triển nội lực và mở rộng hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về thể chế, phát triển doanh nghiệp nội địa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tận dụng tối đa các FTAs. Nếu thực hiện thành công, Việt Nam sẽ có nền kinh tế bền vững, ổn định và có vị thế cao hơn trên trường quốc tế.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AI: Artificial Intelligence - Trí tuệ nhân tạo
COP26: Conference of the Parties - Hội nghị các Bên lần thứ 26
CPTPP: Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership - Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
EVFTA: European-Vietnam Free Trade Agreement - Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU
FDI: Foreign Direct Investment - Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTAs: Free Trade Agreements - Hiệp định thương mại tự do
GDP: Gross Domestic Product - Tổng sản phẩm quốc nội
OECD: Organization for Economic Cooperation and Development - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
R&D: Research and Development - Nghiên cứu và Phát triển
RCEP: Regional Comprehensive Economic Partnership - Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực
UNDP: United Nations Development Programme - Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kỳ xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Nguyễn Tiến Dũng chịu trách nhiệm nội dung: chính của bài báo về giới thiệu, tổng quan, phương pháp nghiên cứu và kết quả nghiên cứu.
Tác giả Trần Thị Kim Đào chịu trách nhiệm nội dung: phương pháp nghiên cứu và các thảo luận liên quan, bố trí cấu trúc nội dung bài báo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyen T. Innovation-driven growth in Vietnam: policies and implications. *Journal of Asian Economics*. 2021;34:112–34.
2. Nguyen TH. Economic growth transformation in Vietnam: challenges and prospects. *Vietnam Economic Journal*. 2020;8(3):45–68.
3. Nguyen TH, Lê MN. Vietnam's economic integration and sustainability. *Journal of Asian Economics*. 2023;12(4):150–175.
4. Nguyen TH, Pham HM. Economic growth transformation in Vietnam: challenges and prospects. *Vietnam Economic Journal*. 2020;8(3):45–68.
5. Solow RM. A contribution to the theory of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*. 1956;70(1):65–94. Available from: <https://doi.org/10.2307/1884513>.
6. Romer PM. Increasing returns and long-run growth. *Journal of Political Economy*. 1986;94(5):1002–37. Available from: <https://doi.org/10.1086/261420>.
7. Lucas RE. On the mechanics of economic development. *Journal of Monetary Economics*. 1988;22(1):3–42. Available from: [https://doi.org/10.1016/0304-3932\(88\)90168-7](https://doi.org/10.1016/0304-3932(88)90168-7).
8. Acemoglu D, Johnson S, Robinson JA. Institutions as a fundamental cause of long-run growth. *Handbook of Economic Growth*. 2005;1:385–472.
9. Aghion P, Howitt P. A model of growth through creative destruction. *Econometrica*. 1992;60(2):323–51. Available from: <https://doi.org/10.2307/2951599>.
10. Romer PM. Endogenous technological change. *Journal of Political Economy*. 1990;98(5, Part 2):71–102. Available from: <https://doi.org/10.1086/261725>.
11. OECD. Towards green growth. OECD Publishing; 2011.
12. UNDP. Income inequality trends in sub-Saharan Africa: Divergence, determinants, and consequences. United Nations Development Programme; 2017.
13. Acemoglu D, Robinson JA. Why nations fail: The origins of power, prosperity, and poverty. Crown Business; 2012.
14. UNEP. Towards a green economy: Pathways to sustainable development and poverty eradication. United Nations Environment Programme; 2011.
15. Stern N. The economics of climate change: The Stern review. Cambridge University Press; 2006.
16. Porter ME, Van der Linde C. Toward a new conception of the environment-competitiveness relationship. *The Journal of Economic Perspectives*. 1995;9(4):97–118. Available from: <https://doi.org/10.1257/jep.9.4.97>.
17. Piketty T. Capital in the twenty-first century. Harvard University Press; 2014. Available from: <https://doi.org/10.4159/9780674369542>.
18. UNDP. Income inequality trends and inclusive growth policies. United Nations Development Programme; 2017.
19. Stiglitz JE. The price of inequality: How today's divided society endangers our future. W.W. Norton & Company; 2012.
20. Bank W. The changing nature of work. World Development Report 2019; 2018.
21. Aghion P, Akcigit U, Howitt P. What do we learn from Schumpeterian growth theory? *Handbook of Economic Growth*. 2014;2:515–563.
22. Reuters. Vietnam 2024 GDP growth quickens to 7.09%. Reuters Business News; 2025.
23. Những vấn đề đặt ra trong xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; 2024. Available from: <https://kinhthevadubao.vn/nhung-van-de-dat-ra-trong-xay-dung-nen-kinh-te-doc-lap-tu-chu-gan-voi-chu-dong-tich-cuc-hoi-nhap-quoc-te-de-dua-dat-nuoc-buoc-vao-ky-nguyen-moi-30880.html>.
24. Bộ Tài chính. Đánh giá tình hình kinh tế Việt Nam năm 2024. Báo cáo kinh tế; 2024.
25. (ADB) ADB. Vietnam economic outlook 2024. ADB Publishing; 2024.
26. OECD. Trade policy and global integration: Vietnam's future growth strategies. OECD Publishing; 2024.
27. Bank W. Vietnam's economic transition and sustainable development. World Bank Group; 2024.
28. (IMF) IMF. Vietnam: Macroeconomic assessment report. IMF; 2024.
29. Bank W. Vietnam's economic transition and sustainable development. World Bank Group; 2023.
30. (IMF) IMF. Vietnam: Macroeconomic assessment report. IMF; 2023.
31. (ADB) ADB. Vietnam economic outlook 2023. ADB Publishing; 2023.



The innovation economic growth model contributes to building an independent, autonomous economy and international integration of Vietnam in the new context

Nguyen Tien Dung, Tran Thi Kim Dao *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The independent and autonomous economy is a core factor that ensures each nation's sustainable and stable development, especially in the context of deep international integration. Therefore, new approaches for economic development in which innovative economic growth models align with the current new context are necessary. The article analyzes Vietnam's economic growth model transformation amid globalization, the Fourth Industrial Revolution, and climate change. It highlights the shift from a traditional input-driven growth model to an innovation-driven model, where R&D, digital technology, and artificial intelligence (AI) play a crucial role in enhancing productivity and sustainable development. Additionally, the article clarifies the relationship between economic autonomy and international integration, emphasizing that an independent economy does not mean isolation but rather leveraging opportunities from free trade agreements (FTAs) to expand global value chains. The study proposes institutional reforms to improve transparency and effective governance and strengthen domestic enterprises to reduce dependence on foreign direct investment (FDI). Finally, the article underscores that green growth and a circular economy, digital economy are inevitable trends to ensure Vietnam's long-term development.

Key words: growth model, innovation, independent economy, autonomy, integration, green and sustainable growth, new context

University of Economics and Law,
VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Tran Thi Kim Dao, University of
Economics and Law, VNU-HCM,
Vietnam

Email: daottk@uel.edu.vn

History

- Received: 05-02-2025
- Revised: 02-6-2025
- Accepted: 10-10-2025
- Published Online: xx-xx-2026

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Tien Dung N, Kim Dao T T. **The innovation economic growth model contributes to building an independent, autonomous economy and international integration of Vietnam in the new context.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2026; 10(x):xxxx-xxxx.